

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 01/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, ông Lê Văn Cư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS 18/02/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến D, sinh năm 1985. ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Phúc T và bà Đặng Thị T. Có vợ là Trần Thị Ngọc Đ (đã ly hôn) và có một con. Tiền sự: Chưa. Tiền án: Tại Bản án số 149/2016/HSST ngày 20/10/2016, bị TAND thành phố Hải Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ra trại ngày 03/3/2017, chưa được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

*** Người bị hại:**

- Chị Trần Hải Y, sinh năm 1999.

ĐKKHKT: Khu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 39/60 N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1998.

ĐKKHKT: Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Số 39/60 N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Vương Tuấn P, sinh năm 1982.

Trú quán: Số 50 D, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993.

Trú quán: Số 179 N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Lê Thái H, sinh năm 1996.

ĐKHKT: Khu 3, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 7/1/20 N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vi Văn T, sinh năm 2002.

Trú quán: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1983.

Trú quán: Số 160 T, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1997.

Trú quán: Số 4/125 Đ, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có việc làm ổn định và muốn có tiền chi tiêu nên Nguyễn Tiến D thường đi lang thang trên đường xem ai có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt. Từ ngày 11/11/2018 đến ngày 21/11/2018, D đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố H như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 11/11/2018, D đi đến dãy phòng trọ ở số 39/60 N, phường B thì thấy cổng mở nên đi vào. D quan sát thấy phòng trọ thứ hai (từ ngoài vào) của chị Trần Hải Y và chị Nguyễn Thị Cẩm L mở cửa sổ; nhìn vào trong phòng thấy không có ai, các túi xách, túi đeo ngang treo ở móc tường. D lấy đoạn gậy dài 3.4m (gồm một thanh tre buộc với một thanh nhựa) ở sân rồi luồn qua cửa sổ lấy được 02 túi xách giả da của chị Y. Kiểm tra không thấy tài sản gì bên trong nên D giấu 02 túi xách ở cổng dãy trọ rồi quay lại dùng gậy lấy được 02 túi đeo ngang làm bằng vải dù của chị L thì bị một số người dân phát hiện bắt giữ.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 20/11/2018, D đi bộ đến nhà số 50 D, phường P của anh Vương Tuấn P thì thấy cửa mở, anh P đang ngủ trên ghế sofa trong phòng khách. D đi vào nhà lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu BlackBerry Passport để trên mặt bàn vì tính kê sát chân cầu thang. Bên ngoài điện thoại có bao da màu đen, bên trong có số tiền 700.000đ và các giấy tờ gồm: 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank đều mang tên Vương Tuấn P và 02 giấy đăng ký xe máy của anh P. Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 21/11/2018, D đem điện thoại BlackBerry Passport bán cho anh Đặng Văn T1

là chủ cửa hàng mua bán điện thoại ở số 160 T, phường P được 600.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 20/11/2018, D đi bộ đến cửa hàng bánh mì của anh Nguyễn Văn N ở số 179 N, phường T, thấy không có người, D đi vào lấy 03 chiếc điện thoại di động để trên mặt lò nướng bánh mì gồm: 01 điện thoại Iphone 6S, 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 và 01 điện thoại Viettel V6216i. Trên đường đi, D kiểm tra thấy điện thoại di động Viettel đã cũ, không còn giá trị nên đã vứt đi (không nhớ vị trí). D bán điện thoại di động Samsung Galaxy J7 cho anh Đặng Văn T1 được 2.000.000đ. Sau đó anh T1 đã bán lại điện thoại cho khách hàng (không biết tên, địa chỉ) được 2.000.000đ. Khoảng 00 giờ cùng ngày, do thiếu tiền chơi điện tử nên D đã vay số tiền 2.000.000đ của anh Vi Văn T là quản lý chơi điện tử tại quán Internet số 136 Bà Triệu, thành phố Hải Dương và đưa cho anh T điện thoại Iphone 6S làm tin.

Vụ thứ tư: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/11/2018, D đi bộ đến khu nhà trọ ở số 7/1/20 N, phường B, thấy phòng trọ số 5 của chị Lê Thái H không khóa cửa, quan sát bên trong không có ai nên D vào trong phòng lấy 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP và 01 túi xách nhãn hiệu Dior màu trắng của chị H để ở trên giường. Trên đường về, D mở túi xách thấy không có tài sản nên đã vứt túi đi (không nhớ vị trí). D bán cho anh Đặng Văn T1 chiếc máy tính được số tiền 2.000.000đ.

Ngày 22/11/2018, tổ công tác Công an thành phố Hải Dương làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực ngã ba đường C - Q thuộc phường N thì thấy D có biểu hiện nghi vấn trộm cắp tài sản nên đã đưa về trụ sở làm việc.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐG ngày 06/12/2018 và số 93/KL-HĐĐG ngày 21/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự-UBND thành phố Hải Dương kết luận:

- Giá trị một chiếc túi đeo giả da màu nâu, kích thước (18 x 20)cm là 288.000đ; giá trị 01 chiếc túi đeo giả da màu vàng, kích thước (18 x 20)cm là 96.000đ; giá trị 01 chiếc túi đeo bụng màu trắng đen bằng vải dù, kích thước (15 x 30)cm là 99.000đ; giá trị 01 túi đeo bụng màu cam- nâu bằng vải dù, kích thước (15 x 30)cm là 99.000đ. Tổng = 582.000đ.

- Giá trị 01 điện thoại di động BlackBerry Passport là 1.118.000đ; Giá trị 01 vỏ bọc điện thoại giả da màu nâu, dạng nắp gập, kích thước (13 x 10)cm là 225.000đ.

- Giá trị 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng là 4.494.000đ; giá trị 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime vỏ màu vàng là 3.367.500đ; giá trị 01 điện thoại di động Viettel V6216i (loại có bàn phím) là 273.000đ.

- Giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP là 3.507.000đ; giá trị 01 túi xách tay giả da màu trắng, hiệu Dior là 180.000đ.

Quá trình điều tra: Nguyễn Tiến D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu

trên và tự nguyện giao nộp 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank mang tên Vương Tuấn P, 02 giấy đăng ký xe máy, 01 bìa sổ có khóa kéo màu nâu bằng chất liệu dạng da, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 vỏ màu đen. Anh Đặng Văn T1 tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu BlackBerry bên ngoài có bao da màu đen và 01 chiếc máy tính xách tay hiệu HP. Anh Vi Văn T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6S. Cơ quan CSĐT đã trả lại chị Y và chị L 04 chiếc túi; trả lại anh P 01 điện thoại BlackBerry cùng vỏ ốp và 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, 02 giấy đăng ký xe máy; trả lại anh N 01 điện thoại Iphone 6S; trả lại chị H 01 máy tính xách tay hiệu HP. Chị Y, chị L, anh P, anh N, chị H, anh T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự. Anh T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.000.000đ.

Tại Cáo trạng 14/CT-VKSTPHD ngày 22/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Tiến D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố và trình bày sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án trước, bị cáo trở về địa phương, đi làm thuê để sinh sống. Bị cáo sử dụng số tiền có được từ việc chiếm đoạt tài sản của người khác để chơi điện tử.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Nguyễn Tiến D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Xử phạt Nguyễn Tiến D từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/11/2018. Buộc bị cáo phải hoàn trả anh T số tiền 2.000.000đ. Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy dài 3.4 m và 01 bìa sổ có khóa kéo. Trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 nhưng được tạm quản lý để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và án phí DSST theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về hành vi của bị cáo:* Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 11/11/2018, tại phòng trọ ở số 39/60 N, phường B, thành phố H, Nguyễn Tiến D đã chiếm đoạt của chị Trần Hải Y 02 túi xách giả da, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Cẩm L 02 túi đeo ngang làm bằng vải dù có tổng trị giá 582.000đ.

Khoảng 18 giờ ngày 20/11/2018, tại số nhà 50 D, phường P, thành phố H, Nguyễn Tiến D đã chiếm đoạt của anh Vương Tuấn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu BlackBerry Passport trị giá 1.118.000đ; 01 vỏ bọc điện thoại trị giá 225.000đ; số tiền 700.000đ và 01 căn cước công dân, 01 bằng lái xe ô tô + mô tô, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank và 02 giấy đăng ký xe.

Khoảng 21 giờ ngày 20/11/2018, tại số nhà 179 N, phường T, thành phố H, Nguyễn Tiến D đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S trị giá 4.494.000đ; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 trị giá 3.367.500đ và 01 điện thoại Viettel V6216i trị giá 273.000đ.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/11/2018, tại khu nhà trọ ở số 7/1/20 N, phường B, thành phố H, Nguyễn Tiến D đã chiếm đoạt của chị Lê Thái H 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP trị giá 3.507.000đ và 01 chiếc túi xách giả da màu trắng, nhãn hiệu Dior trị giá 180.000đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng việc lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 14.446.500đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý đối với bị cáo: Bị cáo thực hiện bốn hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm; tại Bản án số 149/2016/HSST ngày 20/10/2016, bị cáo bị TAND thành phố Hải Dương xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên”, “tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngay sau khi bị bắt, bị cáo đã tự nguyện khai nhận các hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thái H khi các vụ án này chưa bị phát hiện; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo là người có tiền án nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung có hiệu quả. HĐXX

sẽ xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT đã trả lại chị Y và chị L 04 chiếc túi; trả lại anh P 01 điện thoại BlackBerry cùng vỏ ốp và 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, 02 giấy đăng ký xe máy; trả lại anh N 01 điện thoại Iphone 6S; trả lại chị H 01 máy tính xách tay hiệu HP. Chị Y, chị L, anh P, anh N, chị H đều tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên HĐXX không xem xét.

Anh T1 mua lại tài sản của bị cáo và đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 điện thoại BlackBerry, 01 máy tính xách tay hiệu HP. Anh T1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mua tài sản nên HĐXX không xem xét.

Bị cáo vay của anh T số tiền 2.000.000đ và để lại điện thoại Iphone 6S làm tin. Anh T đã giao nộp điện thoại cho cơ quan điều tra và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.000.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Anh T1 đã bán điện thoại Samsung J7 cho khách hàng không xác định được họ tên, địa chỉ; bị cáo đã vứt điện thoại Viettel V6216i, các thẻ sim điện thoại và chiếc túi xách giả da nhãn hiệu Dior trên đường đi nhưng không xác định được vị trí nên không thu hồi được.

01 đoạn gậy dài 3,4m là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và 01 bìa sổ có khóa kéo đều không có giá trị kinh tế nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 thu giữ của bị cáo, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên được trả lại nhưng tạm quản lý để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Các anh Đặng Văn T1, Vi Văn T là những người mua và nhận tài sản làm tin của bị cáo nhưng không biết việc phạm tội của bị cáo nên đều không bị xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều

586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt Nguyễn Tiến D 17 (mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 22/11/2018.

3. Buộc Nguyễn Tiến D phải hoàn trả anh Vi Văn T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Tịch thu tiêu huỷ một đoạn gậy dài 3.4m; một bìa sổ có khóa kéo.

Trả lại Nguyễn Tiến D một điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 nhưng được tạm quản lý để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Các vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/01/2019 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

5. Nguyễn Tiến D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại được quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Công an TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; người bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thuý